

Số: /BC-SGDĐT

Đắk Nông, ngày

**BÁO CÁO**  
**Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019**  
**và phương hướng nhiệm vụ năm 2020**

Căn cứ Công văn số 2885/STC-TTra ngày 17/12/2019 của Sở Tài chính về việc báo cáo kết quả thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2020, Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo kết như sau:

**A. BÁO CÁO THEO THÔNG TƯ SỐ 188/2014/TT-BTC**

**I. Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**

**1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP)**

- Tiếp tục tổ chức, quán triệt và triển khai thực hiện đến toàn thể cán bộ, đảng viên và người lao động các chủ trương đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các quy định của UBND tỉnh về Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP), như: Luật THTK, CLP; Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính Phủ; Quyết định số 2544/QĐ-TTg ngày 30/12/2016; Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 20/5/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2017-2020;

- Công tác tuyên truyền, phổ biến được thực hiện thông qua trang Web của Sở, các đợt học tập, quán triệt Nghị quyết của Đảng, các kỳ giao ban của Sở, qua đó Trưởng các phòng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Sở tổ chức tuyên truyền đến cán bộ công chức, viên chức và người lao động; công tác tuyên truyền là nhiệm vụ thường xuyên trong cơ quan, đơn vị. Vì vậy, kết quả công tác THTK, CLP thời gian qua đã có những chuyển biến tích cực; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát được tăng cường.

**2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THTK, CLP và việc THTK, CLP**

- Sở Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Chương trình số 230/CTr-SGDĐT ngày 14/2/2019 về Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019;

- Chú trọng nâng cao vai trò, trách nhiệm của Lãnh đạo Sở trong công tác THTK, CLP; thực hiện công khai, minh bạch trong tuyển dụng, bố trí, quy hoạch, bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cán bộ; thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức đúng quy định.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả công tác cải cách hành chính, công tác kiểm soát thủ tục hành chính tại cơ quan, ban hành các văn bản chỉ đạo các Phòng thuộc Sở, Phòng Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị trực thuộc tập trung kiểm tra, rà soát các TTHC thuộc phạm vi, đối tượng quản lý chuyên ngành của Sở Giáo dục và Đào tạo mà liên quan đến người dân. Đánh giá sự cần thiết, tính hợp pháp, hợp lý và hiệu quả của các TTHC, xác định chi phí tuân thủ TTHC và thực hiện cắt giảm tối đa TTHC; niêm yết, công bố các thủ tục hành chính tại trụ sở và trên Website của Sở Giáo dục và Đào tạo. Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Sửa đổi Quy chế chi tiêu nội bộ tại một số nội dung: Giảm tiền công tác phí so với định mức quy định, giảm các khoản chi tiếp khách, giảm định mức hội nghị, tập huấn, tiết kiệm điện, nước, xăng xe, sửa chữa nhỏ,... và các nội dung chi khác cho hoạt động chuyên môn,...

- Cơ quan Văn phòng Sở và các đơn vị trực thuộc Sở thực hiện tốt Quy chế công khai tài chính theo quy định tại Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ và các thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính và Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, cụ thể là: Văn phòng Sở và các đơn vị trực thuộc công khai những quy định về sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính được giao, áp dụng thực hiện thống nhất và công khai quy chế chi tiêu nội bộ, định mức khoán; quy chế quản lý và sử dụng tài sản công, Quy chế làm việc, Quy chế thực hiện dân chủ, Quy chế khen thưởng. Công khai được thực hiện bằng nhiều hình thức như: thông qua Hội nghị giao ban, hội nghị cán bộ công chức hàng năm và thông báo niêm yết tại bảng tin của từng đơn vị.

### **3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THTK, CLP**

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra phục vụ cho công tác chỉ đạo điều hành, quản lý và phòng chống tiêu cực, lãng phí. Đồng thời chỉ đạo các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch tự kiểm tra nội bộ để phục vụ công tác quản lý của đơn vị.

- Phát huy quyền làm chủ của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong việc giám sát thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở; phát huy công tác giám sát của Ban Thanh tra nhân dân trong công tác phòng, chống tham nhũng và THTK, CLP tại cơ quan, đơn vị.

- Thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm, đến thời điểm báo cáo, Sở Giáo dục và Đào tạo đã thực hiện **10/11** cuộc thanh tra theo kế hoạch (*01 cuộc thanh tra tại Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đắk Rlấp không tổ chức thanh tra vì trùng nội dung thanh tra với Đoàn thanh tra số 164 của Thanh tra Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số 1608/QĐ-SGDĐT ngày 16/12/2019 về việc không thực hiện thanh tra chuyên ngành Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Đắk Rlấp nhằm tránh để xảy ra chồng chéo trong hoạt động*

thanh tra). Qua thanh tra chưa phát hiện trường hợp nào vi phạm gây thất thoát, lãng phí trong công tác THPT, CLP.

## **II. Tình hình, kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**

### **1. Kết quả THPT, CLP**

- Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và quản lý kinh phí đối với cơ quan nhà nước theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ Quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/của Chính phủ Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập 2006 và Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập. Công tác đào tạo, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động theo đúng Luật lao động và các văn bản quy định hiện hành.

- Việc tiết kiệm chi hội nghị, hội thảo, tọa đàm, cử cán bộ, công chức viên chức đi công tác và một số chi phí khác được thực hiện tiết kiệm theo Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 19/5/2015 của UBND tỉnh Đắk Nông.

- Việc mua sắm tài sản, trang thiết bị, văn phòng phẩm làm việc đúng đối tượng, phục vụ thiết thực, đảm bảo hiệu quả công việc, đúng định mức, tiêu chuẩn, chế độ và đáp ứng yêu cầu đổi mới công nghệ thông tin; các trang thiết bị và phương tiện không còn sử dụng được nữa thì thu hồi và quản lý theo quy định của Nhà nước; tận dụng tối đa các trang thiết bị sẵn có, chỉ đề nghị mua sắm mới trong trường hợp thực sự cần thiết nhằm phục vụ cho công việc. Việc đầu tư xây dựng cơ bản được thực hiện đúng quy định của Nhà nước về đấu thầu, chào hàng cạnh tranh,...

- Tiết kiệm 10% trong tổng dự toán giao đầu năm là 5,134 tỷ đồng.

- Việc quản lý, sử dụng phương tiện đi lại thực hiện các biện pháp thực hành tiết kiệm trong việc bảo quản phương tiện đi lại, sử dụng nhiên liệu theo đúng định mức tiêu hao của nhà nước.

### **2. Hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí**

- Số vụ việc lãng phí đã phát hiện: 0

- Số vụ việc đã được xử lý: 0

- Số người vi phạm và hình thức xử lý: 0

### **3. Phân tích, đánh giá**

#### **3.1. Đánh giá kết quả đạt được**

Sở Giáo dục và Đào tạo đã chấp hành nghiêm túc các quy định của Nhà nước về THPT, CLP; công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại đơn vị trong thời gian qua có những bước chuyển biến tích cực, cán bộ, công chức, người lao động ngày càng có ý thức trách nhiệm hơn trong các hoạt động của mình để từng

bước kiểm soát được việc thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí. Đặc biệt là các hoạt động cải cách hành chính, công khai minh bạch trong hoạt động của Sở Giáo dục và Đào tạo; xây dựng chế độ tiêu chuẩn, định mức, ban hành quy chế chi tiêu nội bộ, tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị trong việc thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phát huy vai trò của Ban thanh tra nhân dân. Cấp ủy đảng và chính quyền đã đề ra được chương trình hành động, kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của đơn vị; đã thực hiện có hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính; thực hiện quy chế dân chủ; thực hiện nghiêm túc 03 công khai trong toàn ngành; thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết kịp thời, nghiêm túc các đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh. Vì vậy, trong Văn phòng Sở và toàn ngành Giáo dục và Đào tạo chưa phát hiện có dấu hiệu, hành vi tham nhũng, hành vi vi phạm pháp luật về THTK, CLP.

### **3.2. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân**

- Một số đơn vị, cá nhân chưa thực hiện tiết kiệm một cách triệt để trong việc sử dụng điện, nước, văn phòng phẩm,... một số nội dung tiết kiệm được như đã báo cáo trên là so với cùng kỳ năm trước, đây chỉ là những số liệu so sánh trong cùng thời điểm của một số nội dung đã cụ thể, tại thời điểm thực hiện, một số nội dung chi vượt so với cùng kỳ năm trước, còn các nội dung phát sinh khác thì không tiết kiệm được như chi văn phòng phẩm, công tác phí, xăng xe thì không thể tiết kiệm được, vì đặc thù của ngành các khoản nội dung này ngày càng thực hiện nhiều hơn, giá cả thị trường ngày càng cao, dẫn đến việc tiết kiệm là không thể thực hiện được, mặc dù đã thực hiện tiết kiệm đến mức tối đa.

- Mặt khác, nguồn kinh phí giao mỗi năm một hạn chế không đủ thực hiện cho các nhiệm vụ phát sinh trong năm của ngành, tiết kiệm được khoản này lại chi cho các khoản khác tự cân đối trong nguồn kinh phí được giao, điều này dẫn đến việc thực hành tiết kiệm cũng hết sức khó khăn.

- Hệ thống cơ sở hạ tầng của nhà trường đã quá cũ (đường điện, đường nước,...) gây thất thoát thường xuyên.

### **3.3. Những kinh nghiệm rút ra**

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục ý thức tiết kiệm, chống lãng phí đối với cán bộ, công chức, viên chức, học sinh và người lao động trong toàn ngành.

- Xử lý nghiêm các cá nhân, đơn vị có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về tiết kiệm, chống lãng phí (nếu có).

## **III. Phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cần tập trung triển khai thực hiện trong năm tiếp theo.**

### **1. Tăng cường công tác, chỉ đạo về THTK,CLP**

Tiếp tục thực hiện Chương trình THTK, CLP của Ngành, chỉ đạo các đơn vị, cơ sở giáo dục thực hiện tốt kế hoạch đề ra.

## **2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, đặc biệt là đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong THKT, CLP**

- Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến pháp luật về THKT, CLP và các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước có liên quan đến THKT, CLP cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

- Phối hợp chặt chẽ với tổ chức chính trị-xã hội để thực hiện việc tuyên truyền, vận động về THKT, CLP đạt hiệu quả.

Kịp thời biểu dương, khen thưởng những gương điển hình trong THKT, CLP.

## **3. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện trên các lĩnh vực THKT, CLP**

Lãnh đạo các đơn vị tiếp tục tổ chức THKT, CLP; rà soát các quy định về cơ chế, chính sách, quy trình, thủ tục, giấy tờ giải quyết từng loại công việc, xác định những nội dung không còn phù hợp với quy trình giải quyết từng loại công việc, xác định những nội dung không còn phù hợp với quy trình giải quyết từng loại công việc, còn bất cập trong quản lý, để phát sinh tiêu cực để trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, bãi bỏ hoặc đề xuất sửa đổi theo nguyên tắc đơn giản hóa thủ tục hành chính và phù hợp với các quy định của pháp luật.

## **4. Tăng cường thực hiện công khai, nâng cao hiệu quả giám sát THKT, CLP**

Lãnh đạo các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước phải tiếp tục thực hiện trách nhiệm công khai theo đúng quy định của pháp luật, tạo điều kiện cho kiểm tra, thanh tra giám sát THKT, CLP.

## **5. Thường xuyên kiểm tra, thanh tra, xử lý nghiêm các vi phạm quy định về THKT, CLP**

- Thủ trưởng các đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch kiểm tra, tự kiểm tra tại đơn vị mình và các đơn vị trực thuộc; tập trung vào một số nội dung lĩnh vực như quản lý, điều hành ngân sách, Chương trình mục tiêu quốc gia, sử dụng tài sản công, mua sắm trang thiết bị, tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức,...

Đối với những vi phạm được phát hiện qua thanh tra, kiểm tra, thủ trưởng đơn vị khắc phục, xử lý hoặc đề xuất, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền có biện pháp xử lý. Thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị để xảy ra lãng phí.

## **6. Đẩy mạnh cải cách hành chính, hiện đại hóa quản lý, gắn kết THKT, CLP với công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tăng cường phối hợp giữa các cơ quan trong THKT, CLP.**

- Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị thực hiện cải cách hành chính gắn với THKT, CLP trong các lĩnh vực. đổi mới phương thức, lề lối làm việc, tăng cường ý thức trách nhiệm, tinh thần phục vụ nhân dân.

- Triển khai có hiệu quả pháp luật về THKT, CLP gắn với công tác phòng, chống tham nhũng, thực hiện nghiêm túc kế hoạch, chương trình, đề án tham nhũng vật do Đảng ủy khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh Đắk Nông, của UBND tỉnh, của ngành; đặc biệt chú trọng đề ra các biện pháp cụ thể để siết chặt kỷ cương, kỷ luật hành chính, tăng cường tính công khai, minh bạch, trách nhiệm trong hoạt động công vụ.

- Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, ban ngành, đại phương, các tổ chức đoàn thể nhằm nâng cao hiệu quả THKT, CLP. Bên cạnh đó, cần tăng cường phối hợp với các cơ quan truyền thông, báo chí để đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền về THKT, CLP, giới thiệu gương điển hình, phản ánh tình trạng lãng phí nhằm kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm về THKT, CLP.

#### **IV. Đề xuất, kiến nghị về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**

1. Kiến nghị về công tác chỉ đạo điều hành: Không
2. Kiến nghị về hoàn thiện các quy định pháp luật về THKT, CLP: Không
3. Đề xuất các giải pháp, sáng kiến nhằm nâng cao hiệu quả công tác THKT, CLP: Không
4. Các kiến nghị khác (nếu có): Không

### **B. BÁO CÁO CÁC NỘI DUNG THEO CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ ĐƯỢC PHÂN CÔNG TRÊN PHẠM VI TOÀN TỈNH**

**I. Tình hình, kết quả thực hiện Nghị Quyết số 29-NQ/TW và các văn bản của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh có liên quan**

#### **1. Chương trình hành động số 13-CTr/TU và Chương trình số 32-CTr/TU**

##### **1.1. Tình hình triển khai việc quán triệt, học tập và tuyên truyền**

Ngay sau khi Chương trình được ban hành, Sở Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy xây dựng Kế hoạch quán triệt những nội dung cơ bản của Chương trình hành động số 13-CTr/TU và Chương trình số 32-CTr/TU, chuyển tải đầy đủ tài liệu có liên quan cho các cơ sở giáo dục để tổ chức triển khai thực hiện. Việc quán triệt, tuyên truyền được thực hiện vào dịp bồi dưỡng chính trị, chuyên môn hè hàng năm và tại các hội nghị, cuộc họp; đối tượng tham dự là cán bộ, giáo viên, nhân viên các cơ sở giáo dục. Qua triển khai học tập, cán bộ, giáo viên, nhân viên phấn khởi, tin tưởng, biểu thị quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu, chỉ tiêu đề ra trong Chương trình.

##### **1.2. Công tác kiểm tra, đôn đốc thực hiện**

Hàng năm, Sở Giáo dục và Đào tạo thành lập Đoàn thanh tra, kiểm tra việc triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học; đồng thời, lồng ghép việc kiểm tra tình hình triển khai thực hiện những nội dung của Chương trình hành động số 13-CTr/TU, Chương trình số 32-CTr/TU và đều có đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ cũng như kết quả thực hiện các Chương trình.

## 2. Những kết quả đạt được

2.1. Sự chuyển biến về nhận thức trong cán bộ, công chức, viên chức ngành giáo dục sau khi triển khai nghiên cứu, học tập Chương trình hành động số 13-CTr/TU và Chương trình số 32-CTr/TU. Công tác tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý nhà nước đối với việc đổi mới giáo dục và công tác phổ cập giáo dục:

Thường xuyên tổ chức quán triệt, học tập nội dung Chương trình hành động số 13-CTr/TU và Chương trình số 32-CTr/TU đã tạo sự đồng thuận về nhận thức, thống nhất trong hành động; hiểu được quan điểm chỉ đạo, yêu cầu của công tác phổ cập giáo dục và đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong ngành giáo dục.

2.2. Việc ưu tiên phát triển giáo dục mầm non và công tác nâng cao chất lượng, hiệu quả của các cơ sở giáo dục mầm non

a) Công tác đầu tư các nguồn lực để phát triển giáo dục mầm non và kết quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi

- Công tác đầu tư các nguồn lực để phát triển giáo dục mầm non:

Triển khai thực hiện Kế hoạch PCGDMN cho trẻ em 5 tuổi, bằng nhiều nguồn kinh phí từ chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục, chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, nguồn kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản, nguồn ngân sách địa phương và từ nguồn xã hội hóa giáo dục, tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường, lớp học và trang cấp thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi cho các cơ sở giáo dục mầm non.

- Kết quả PCGDMN cho trẻ em 5 tuổi:

Tỉnh Đắk Nông có 71/71 đơn vị cấp xã và 8/8 huyện, thị xã duy trì kết quả đạt chuẩn PCGDMN cho trẻ em 5 tuổi (tháng 01/2016, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định công nhận tỉnh Đắk Nông đạt chuẩn PCGDMN cho trẻ em 5 tuổi).

b) Công tác hỗ trợ học sinh khó khăn, học sinh người dân tộc thiểu số và ngăn chặn tình trạng học sinh bỏ học

Ngoài những chính sách của Trung ương, căn cứ vào điều kiện thực tiễn của tỉnh, trong thời gian vừa qua, ngành Giáo dục và Đào tạo đã tham mưu HĐND, UBND tỉnh ban hành một số chính sách nhằm hỗ trợ để học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh dân tộc thiểu số có điều kiện đến trường. Chính vì vậy, tỷ lệ học sinh bỏ học đã giảm rõ rệt

c) Công tác chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ đồng bào dân tộc thiểu số

Học sinh dân tộc thiểu số ra lớp được chuẩn bị tiếng Việt trước khi vào lớp 1. Việc chuẩn bị tiếng Việt cho trẻ được tổ chức bằng nhiều hình thức, như: học mà chơi, chơi mà học, các em học sinh tham gia vào các trò chơi, các hoạt động tập thể giúp các em có đủ vốn tiếng Việt cần thiết phục vụ cho giao tiếp và học tập ở môi trường tiểu học.

2.3. Việc duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục; công tác xóa mù chữ, bổ túc văn hóa cho người trong độ tuổi lao động, giảm tỷ lệ tái mù chữ ở người lớn. Công tác triển khai các giải pháp thực hiện phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp THCS

- Việc duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục:

+ Đối với PCGD mầm non cho trẻ em 5 tuổi

Trẻ 5 tuổi vào học lớp 1 đạt tỷ lệ 99,4%.

Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non năm học 2018-2019 đạt tỷ lệ 100%

Tỷ lệ trẻ 5 tuổi khuyết tật học hòa nhập được tiếp cận giáo dục là 4/4 em, chiếm 100%.

+ Đối với PCGD tiểu học

Tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào học lớp 1 năm học 2018-2019 là 99,76%.

Tỷ lệ trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 93,59%.

Tổng số xã đạt chuẩn PCGDTH: 71/71 xã, đạt tỷ lệ 100%.

Trong đó: Số xã đạt chuẩn PCGDTH mức độ 3: 38/71 xã, đạt tỷ lệ 53,52%;

Số xã đạt chuẩn PCGDTH mức độ 2: 33/71 xã, đạt tỷ lệ 46,47%;

+ Đối với PCGD THCS

Số thanh thiếu niên từ 15-18 tuổi tốt nghiệp Trung học cơ sở đến năm 2018: 38387/42865 em, đạt tỷ lệ 89,6%

Tổng số đơn vị xã, phường, thị trấn đạt chuẩn mục tiêu PCGDTHCS: 71/71; đạt tỷ lệ: 100 %.

Tổng số huyện/thị duy trì đạt chuẩn PCGDTHCS: 8/8 huyện/thị duy trì đạt chuẩn, đạt tỷ lệ 100%.

+ Đối với công tác XMC

- Tỷ lệ người biết chữ từ 15 đến 25 tuổi đạt 97,68%;

- Tỷ lệ người biết chữ từ 26 đến 35 tuổi đạt 93,03%;

- Tỷ lệ người biết chữ từ 36 đến 60 tuổi đạt 88,2%;

- Tỷ lệ người biết chữ từ 15 đến 60 tuổi của tỉnh Đắk Nông đạt 92,43%;

Trong đó:

+ Số xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2: 61/71 xã, đạt tỷ lệ 85,91%;

+ Số xã đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1: 71/71 xã, đạt tỷ lệ 100%

- Công tác triển khai các giải pháp thực hiện phân luồng học sinh sau khi tốt nghiệp THCS:

Hoạt động giáo dục hướng nghiệp đã được chỉ đạo thực hiện trong chương trình giáo dục một cách mềm dẻo, kết hợp với các loại hình giáo dục tư vấn chọn



nghề, tư vấn tuyển sinh cho học sinh để các em có điều kiện tiếp cận thực tế về ngành nghề; từ đó, các em tìm đến các cơ sở học nghề, chọn ngành nghề phù hợp với năng lực, sở trường, điều kiện kinh tế của gia đình và nhu cầu của xã hội.

Nhìn chung, công tác phân luồng học sinh phổ thông luôn được chú trọng và đẩy mạnh, do đó, đã từng bước nâng cao được nhận thức của xã hội về giáo dục nghề nghiệp và công tác phân luồng học sinh sau THCS và THPT vào học hệ Trung cấp chuyên nghiệp (TCCN), Trung cấp nghề, Cao đẳng nghề. Kết quả phân luồng cho thấy tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đi học nghề chiếm tỷ lệ 16,02%, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT tham gia vào thị trường lao động hoặc đi học nghề chiếm tỷ lệ 40,33%. Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1094/QĐ-UBND ngày 17/7/2018 của UBND tỉnh về Kế hoạch thực hiện Đề án giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông phù hợp với điều kiện của tỉnh.

2.4. Công tác phát triển giáo dục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng khó khăn và thực hiện các chính sách dân tộc trong giáo dục

Trong những năm qua, được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn tiếp tục được đầu tư, phát triển; mạng lưới cơ sở giáo dục được mở rộng đến hầu hết các xã, phường, thị trấn trong toàn tỉnh; kể cả ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số đã tạo cơ hội học tập cho mọi người, bước đầu xây dựng xã hội học tập; học sinh là người dân tộc thiểu số, con em các gia đình nghèo, gia đình chính sách, học sinh khuyết tật ngày càng được quan tâm. Chính sách miễn, giảm học phí, cấp học bổng và các chính sách hỗ trợ khác đối với học sinh thuộc diện chính sách và người nghèo, người dân tộc thiểu số đã mang lại hiệu quả thiết thực trong việc thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục.

2.5. Việc phát triển nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục; thực hiện chính sách đãi ngộ đối với giáo viên

- Phát triển nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục:

Hàng năm, Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Sở Nội vụ và UBND các huyện, thị xã tham mưu, trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch biên chế; chủ động trong việc kiện toàn, ổn định tổ chức bộ máy ở các cơ sở giáo dục; sắp xếp, tuyển dụng, sử dụng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức hợp lý đảm bảo chất lượng, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đạt chuẩn về chất lượng. Phối hợp với các cơ sở giáo dục trong và ngoài tỉnh tổ chức các lớp bồi dưỡng về lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu tăng quy mô, nâng cao chất lượng và đổi mới giáo dục.

- Chế độ chính sách cho giáo viên được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Giáo viên ở vùng đặc biệt khó khăn được thụ hưởng đầy đủ các chính sách quy định tại Nghị định 76/2019/NĐ-CP. Nhìn chung, chính sách đối với nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục công tác ở các trường chuyên biệt, ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn được thực hiện khá đầy đủ như: phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp thu hút, phụ cấp công tác lâu năm ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc

biệt khó khăn, trợ cấp lần đầu, trợ cấp chuyển vùng,... Một số huyện trong tỉnh (Krông Nô, Đăk Glông,...) đã có chính sách cấp đất hoặc bán đất theo giá hỗ trợ tạo điều kiện để cán bộ, giáo viên an tâm công tác. Đến nay, nhiều trường học cũng đã có quỹ đất cho giáo viên làm nhà để ổn định cuộc sống. Tuy nhiên, chế độ cho các đối tượng là nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục ở lại để tiếp tục công tác và ổn định cuộc sống lâu dài chưa được quan tâm đúng mức ở một số đơn vị.

- Tỷ lệ giáo viên là đảng viên trong toàn ngành là 44,8%
- Số giáo viên vi phạm đạo đức nghề nghiệp trong năm 2019 là 0 người.

## 2.5. Tăng cường cơ sở vật chất đảm bảo chất lượng các hoạt động GDĐT

Sở Giáo dục và Đào tạo tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các địa phương quan tâm tăng cường cơ sở vật chất theo hướng kiên cố hoá, chuẩn hoá và từng bước hiện đại, xóa bỏ dần các phòng học xuống cấp, phòng học xuống cấp, phòng học tạm, phòng học nhờ, ưu tiên cho việc duy trì phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi, tiểu học, trung học cơ sở; xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị dạy học. Công tác xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia đã được lãnh đạo chính quyền quan tâm. Các đơn vị địa phương đã tăng cường quản lý về mọi mặt, hướng đến chất lượng giáo dục đạt chuẩn quy định. Đến nay, toàn tỉnh có 132 trường đạt chuẩn quốc gia (đạt 37,4%). Hệ thống phòng thí nghiệm, phòng thực hành được tăng cường đầu tư. Nhiều thư viện đã đạt tiêu chuẩn; phòng học, công trình thể thao đã được đầu tư xây mới hoặc cải tạo nâng cấp để đáp ứng nhu cầu dạy học. xây dựng và thực hiện nội quy sử dụng, bảo quản nhà vệ sinh, các công trình nước sạch đúng cách nhằm bảo vệ môi trường, xây dựng môi trường trường học xanh, sạch, đẹp trong các cơ sở giáo dục. Đến nay, số trường học có công trình vệ sinh đảm bảo tiêu chuẩn quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 là 331 trường, đạt tỷ lệ 83,6%. Số trường học có nhà vệ sinh hiện đang sử dụng tốt là 321 trường, đạt tỷ lệ 81,1%. Số trường học có nhà vệ sinh đảm bảo các điều kiện vệ sinh là 311 trường, đạt tỷ lệ 78,5%. Số trường học có đủ số lượng nhà vệ sinh đảm bảo các điều kiện vệ sinh theo quy định là 273 trường, đạt tỷ lệ 68,9%. Toàn tỉnh có 314 trường có khu rửa tay đủ nước sạch đạt tỷ lệ 79,2%. Số trường học có xà phòng rửa tay là 310 trường, đạt tỷ lệ 78,2%. Số trường học cung cấp nước uống đảm bảo theo quy định là 352 trường, đạt tỷ lệ 88,8%.

## **II. Huy động tài trợ cho các cơ sở Giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.**

Thực hiện Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về tài trợ cho các cơ sở Giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; Công văn số 5223/UBND-KGVX ngày 18/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đăk Nông về việc triển khai Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về tài trợ cho các cơ sở Giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đăk Nông đã huy động tài trợ tại các đơn vị trong năm học 2018-2019 cụ thể (phụ lục 02 đính kèm).

#### **IV. Kết quả thanh tra, kiểm tra**

- Sở Giáo dục và Đào tạo đã ban hành 01 văn bản về công tác thanh tra, kiểm tra (*Kế hoạch thanh tra số 01/KH-TTr, ngày 21/01/2019 của Thanh tra Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-SGDĐT ngày 21/01/2019 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt kế hoạch thanh tra năm 2019*) để tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra trong toàn ngành Giáo dục và Đào tạo.

- Việc thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra: Đã tổ chức 11 cuộc thanh tra (*đạt tỷ lệ 100% so với kế hoạch đã đề ra*) tại 8 đơn vị (*gồm 01 Phòng Giáo dục và Đào tạo, 07 đơn vị trực thuộc Sở*) và 02 kỳ thi, cụ thể:

\* *Thanh tra hành chính*: Đã triển khai 02 cuộc thanh tra theo kế hoạch tại 02 đơn vị gồm: Trường THPT Lương Thế Vinh - huyện Đăk Song, Trường PT DTNT THCS và THPT huyện Đăk Glong.

\* *Thanh tra chuyên ngành*: Đã triển khai 09 cuộc thanh tra theo kế hoạch tại 06 đơn vị và 02 kỳ thi, gồm: Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cư Jút, Trường PT DTNT THCS và THPT huyện Cư Jút, Trường THPT Phan Chu Trinh, Trường THPT Quang Trung, Trường THPT Nguyễn Du, Trung tâm GDTX-NNTH tỉnh, kỳ thi tuyển sinh lớp 10 năm học 2019-2020, kỳ thi THPT Quốc gia năm 2019.

Qua thanh tra, kiểm tra chưa phát hiện hành vi tham nhũng, lãng phí trong các cơ sở giáo dục.

Trên đây là Báo cáo kết quả chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2020 của Sở Giáo dục và Đào tạo Đăk Nông./.

**Nơi nhận:**

- Sở Tài chính (báo cáo);
- Lưu: VT, TCCB-TC, TTr.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Trần Sĩ Thành**